| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN D**<br>**T PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 03-8-2023
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D T PHỐ HẢI PHÒNG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Đặng Kim Dũng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Dung-Thư ký Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, T phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2016/TLST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2016 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Xuân N; nơi C trú: Tổ 34, cụm 5, phường Đ, quận N, Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, trú tại: Tổ 18, cụm 3, phường N, quận K, T phố Hải Phòng; ông N vắng mặt, ông H có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị C; nơi C trú: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C: Bà Nguyễn Thị Lan P - Luật sư thuộc Văn phòng luật Nam Phương; bà C, bà Phương có mặt.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan*:

1. Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1948 (chết năm 2017). Những người kế thừa tư cách tố tụng của bà N: Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thanh T, ông Phạm Văn K, ông

Phạm Văn Q, bà Phạm Thanh H (chồng và các con của bà N); vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị L; trú tại: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, Hải Phòng; vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị M; trú tại: Tổ dân phố P 1, phường Đ, quận D, Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Trịnh Thị M; trú tại: Tổ dân phố P 1, phường Đ, quận D, Hải Phòng; vắng mặt.

5. Bà Trịnh Thị L; trú tại: Tổ dân phố 1A, phường Hải T, quận D, Hải Phòng; vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thanh T, ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thanh H, bà Trịnh Thị L, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị L: Ông Phạm Văn H; có mặt.

6. Ông Trịnh Long T; trú tại: Tổ P 3, phường Đ, quận D, Hải Phòng, (con của ông C bà C); có mặt.

7. Chị Trịnh Thị Lệ V; trú tại: Tổ P 3, phường Đ, quận D, Hải Phòng, (con của ông C bà C); có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Trịnh Khắc O (sinh năm 1926 chết năm 2011) và cụ Trần Thị N (sinh năm 1931, chết năm 2012) là vợ chồng, hai cụ sinh được 07 người con gồm: Bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Xuân N, bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Văn C (tên gọi khác là Trịnh Minh C), bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị Liển.

Khi còn sống, cụ Oánh và cụ Ngóc có sở hữu các tài sản gồm diện tích 488 $m^2$ (gồm 300 $m^2$ đất ở; 188 $m^2$ đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ thôn P, xã Đ, huyện Kiến Thụy, nay là phường Đ, quận D, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V603492, vào sổ số 00226 QSDĐ/KT-01-Q1 do UBND huyện Kiến Thụy cấp ngày 30-10-2002 đứng tên hộ ông (bà) Trịnh Khắc O. Diện tích đất nông nghiệp gồm 02 thửa đứng tên cụ Trần Thị N: Thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim có diện tích 620 $m^2$ và thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống có diện tích 290 $m^2$.

Ngày 06-8-2014, ông Trịnh Văn C chết không để lại di chúc . Sau khi ông C chết, giữa bà Cần và các anh chị em chồng xảy ra tranh chấp L quan đến di sản là đất và nhà ở trên đất do cụ Oánh và cụ Ngóc để lại. Tranh chấp đã được hòa giải

tại phường 03 lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, diện tích đất và nhà nói trên do bà Trần Thị C và các con bà C là anh T, chị V quản lý, sử dụng.

Ngày 05-05-2016 và ngày 01-6-2016, ông N làm đơn khởi kiện và bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản do cụ Oánh và cụ Ngóc để lại. Đồng thời ông Nghiệm đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, di chúc và biên bản chuyển nhượng đất thổ C của cụ O do bà C đang quản lý.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình giải quyết tại Tòa án ông mới biết cụ O và cụ N có để lại các văn bản sau L quan đến việc định đoạt di sản thừa kế.

Văn bản ngày 16-6-2004 cụ O có lập bản di chúc với nội dung: Sau khi cụ O không còn nữa, toàn bộ đất và nhà giao cho ông Trịnh Văn C là con trai thứ hai, đây là đất từ đường giao cho anh C, di chúc được UBND xã Đ chứng thực tại Sổ chứng thực số 01 quyển số 01 ngày 23-6-2004. Đến ngày 20-7-2004, tại nhà ông Oánh, ông Bùi Đức Trung -cán bộ tư pháp xã Đa Phúc và ông Trịnh Xuân Hiếu - trưởng thôn Phúc Hải cùng ông Bùi Thành Đoàn -cán bộ địa chính xã Đa Phúc và 02 người làm chứng ông Trần Trung Thư, ông Trịnh Văn Đạc, lập văn bản Biên bản về việc di chúc đất và nhà ở với nội dung thể hiện: Ông O có diện tích đất và nhà ở đang sử dụng, trên đất ở có ngôi nhà xây ba gian cấp 4 và công trình phụ còn sử dụng được. Ông O sử dụng đúng mục đích theo đúng trích đo của địa chính xã không có tranh chấp gì. Ông O viết bản di chúc lúc còn khỏe mạnh, nếu sau này tôi không còn nữa số đất và nhà ở trên giao toàn bộ lại cho anh Trịnh Minh C sử dụng (Văn bản được ông Đặng Quang Đợi -Phó Chủ tịch UBND xã Đa Phúc, nay là phường Đa Phúc xác nhận ngày 25-7-2004). Hai văn bản trên chỉ có chữ ký của cụ O, cụ N không ký tên, điểm chỉ.

Ngày 02-6-2010, cụ O, cụ N có *Văn bản xin chuyển nhượng đất thổ C,* nội dung: Vợ chồng cụ có thửa đất của bố mẹ để lại do thừa kế, tổng diện tích là 488 $m^2$, bìa đỏ mang tên Trịnh Khắc Oánh. Nay vợ chồng cụ thống nhất chuyển nhượng thửa đất 488 $m^2$ đã có bìa đỏ đứng tên cụ O cho con trai là Trịnh Minh C sử dụng làm nhà ở lâu dài. Trong văn bản trên có T hiện phần nội dung ghi bổ sung *"Thửa đất trên là của tổ tiên để lại cho các đời hậu duệ, chỉ được ở và thờ cúng không được bán".* Văn bản trên được ông Trần Trung Thư, Trịnh Văn Đạc là hàng xóm chứng kiến mặc dù cụ O đã ký và ghi rõ là không C người chứng kiến, sau đó đại diện tổ dân phố ông Phạm Văn Thi xác nhận và ông Bùi Trung Thông Chủ tịch UBND xã Đa Phúc - nay là phường Đa Phúc xác nhận ngày 04-6-2010.

Đến ngày 08-5-2014, ông Trịnh Xuân Nghiệm cùng 06 người con của vợ chồng cụ Oánh, cụ Ngóc và cụ Trịnh Văn Nhắc (em trai cụ Oánh) cùng thống nhất lập biên bản họp gia đình với những nội dung gồm: Đất của ông bà để lại 1 sào 2 thước nhà xây 3 gian toàn bộ công trình phụ là do ông bà còn sống và vợ chồng chú C làm nơi thờ cúng gia tiên ngành 3 Trịnh tộc. Xác định, Gian thờ của bố mẹ xây lên là nơi thờ gia tiên tiền tổ ngành 3 Trịnh tộc; gian bên cạnh giáp nhà ông

Đạc là nơi ông bà ở lúc còn sống để là nơi anh em gia đình đi ngang về tắt là nơi trú ngụ sau này; đất cát nhà cửa đã xây dựng lên kể từ ngày hôm nay không được phép xây dựng nếu không được sự đồng ý của bảy chị em trong gia đình. Hiện nay đất và nhà ở của ông bà còn sống để lại chiểu theo di chúc của bố để lại; chú C là con thứ ở lại trông coi, chú thím có trách nhiệm cộng tác cùng chị em trong gia đình khi có công việc (Biên bản họp gia đình được UBND phường chứng thực cùng ngày).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20-5-2022, văn bản ngày 26-6-2023 và tại phần thủ tục phiên tòa, ông H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan căn cứ vào các nội dung được tiếp cận trong 04 văn bản về việc định đoạt di sản của cụ O và cụ N nêu trên đã thay đổi yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích đất thổ C 488 $m^2$ đất của cụ O và cụ N để lại; thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xác định toàn bộ di sản thừa kế 488 $m^2$ đất và tài sản trên đất của cụ O và cụ N là di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự, giao lại cho anh T là con ông C quản lý trông coi; trường hợp anh T không nhận quản lý di sản thì giao lại cho ông N quản lý, đồng thời yêu cầu chia thừa kế phần di sản là đất nông nghiệp của cụ O và cụ N theo quy định của pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là bà Trần Thị C trình bày: Bà xây dựng gia đình với ông Trịnh Minh C đến nay đã được hơn 30 năm và có 02 người con đều đã trưởng thành. Từ khi bà về làm dâu vẫn ăn ở chung với bố mẹ chồng là cụ O và cụ N đến khi hai cụ qua đời. Cụ Oánh có nói thửa đất 488 $m^2$ này là đất tổ tiên để lại, nhà có 02 anh em trai, ông Nghiệm đã được cho tiền và vàng để mua đất ở nơi khác nên diện tích đất 488 $m^2$ cụ Oánh đã di chúc cho ông Trịnh Minh C là chồng bà làm nhà ở lâu dài. Cụ O đã viết di chúc vào ngày 16-6-2004 sau đó lập biên bản về việc lập di chúc ngày 20-7-2004 đều có người làm chứng và được UBND xã Đ, nay là phường Đ chứng thực nội dung.

Năm 2010, để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông C thuận tiện, cụ Oánh đã viết văn bản xin chuyển nhượng đất trên cho vợ chồng bà và được UBND phường xác nhận, các văn bản trên đều có bản gốc. Trong quá trình ăn ở cùng hai cụ, do ngôi nhà cũ 3 gian trước đây đã quá xuống cấp, được sự đồng ý của hai cụ và hai chú ruột, vợ chồng bà dùng tiền tích góp và vay mượn thêm xây dựng ngôi nhà 3 gian với tổng số tiền khoảng 500.000.000 đồng vào năm 2009, lúc xây nhà hai cụ còn sống. Nhà xây 03 gian, gian giữa là nơi đặt ban thờ, một gian là hai cụ O và cụ N ở; một gian là vợ chồng bà và các con ở. Sau đó, cụ O và cụ N mắc bệnh, sức khỏe giảm sút; mọi sinh hoạt ăn uống cá nhân của hai cụ đều do vợ chồng bà và các con của bà chăm sóc. Việc ông Nghiệm cho rằng tiền xây dựng nhà là của bố mẹ chồng, vợ chồng bà chỉ có 150.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bà có đầy đủ chứng cứ chứng minh việc vợ chồng bà đã bỏ tiền ra xây nhà. Bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc chia theo pháp luật di sản của cụ O và cụ N vì đã có hai bản di chúc bà đang giữ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Cần có bản tự khai gửi Tòa án nội dung trình bày: Do bên phía nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế di sản thừa kế của cụ O và cụ N theo pháp luật nên bà cũng không có yêu cầu phản tố , không đề nghị chia thừa kế di sản của cụ O và cụ N theo di chúc. Bà đề nghị Tòa án bác đơn của ông N về viêc xác định toàn bộ diện tích đất 488 $m^2$ đất và tài sản trên đất của cụ O và cụ N làm nơi thờ cúng . Đối với yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp của cụ O và cụ N, bà từ chối nhận và giao toàn bộ đất nông nghiệp cho nguyên đơn là ông Nghiệm và các anh em ông Nghiệm sử dụng . Bà cũng xác nhận, thời điểm năm 2002, vợ chồng bà và hai con có sống cùng cụ O và cụ N nhưng không phải là T viên sở hữu chung trong hộ cụ N đối với diện tích đất thổ C 488 $m^2$ vì đây là đất của bố mẹ cụ O và cụ N để lại cho các cụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Chị Trịnh Thị Lệ V, anh Trịnh Long T (con của ông C, bà Cần) trình bày: Anh chị đồng ý với quan điểm của bà C như đã trình bày ở trên. Anh chị không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu tòa án chia di sản của cụ O và cụ N theo di chúc. Anh chị đề nghị bác đơn của ông N về việc xác định toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất thổ C 488 $m^2$ là di sản của cụ O và cụ N làm di sản thờ cúng. Phần di sản của cụ O và cụ N là đất nông nghiệp, anh chị từ chối nhận, đồng ý cho ông N và các cô.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là Trịnh Thị N, Trịnh Thị L, Trịnh Thị M, Trịnh Thị M, Trịnh Thị L do ông H là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày tại các bản tự khai : Cả 05 người đều thống nhất để ông N làm đơn khởi kiện và đứng về phía ông N, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do cụ O và cụ N để lại theo quy định của pháp luật, đối với kỷ phần ông C được hưởng sẽ giao lại cho mẹ còn bà C, kỷ phần của 5 bà sẽ giao cả cho ông N quản lý để làm nơi thờ cúng. Ngày 06-11-2017, bà Trịnh Thị N chết không để lại di chúc, bà N có chồng là ông Phạm Văn T và 04 người con là Phạm Thanh T, Phạm Văn K, Phạm Văn Q, Phạm Thị Thanh H là những người kế thừa tư cách tố tụng của bà N. Ngày 28-5-2018, ông T cùng 04 người con có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Văn H giải quyết vụ việc L quan di sản thừa kế do cụ O và cụ N để lại.

Đến thời điểm trước khi xét xử và tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan do ông H là đại diện theo ủy quyền đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã thay đổi, không yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 488 $m^2$ của cụ O và cụ N để lại mà chỉ đề nghị xác định toàn bộ 488 $m^2$ đất là di sản thờ cúng, di sản là đất nông nghiệp chia theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án , cụ Trịnh Văn Nhắc (em trai ruột cụ Trịnh Khắc O) và cụ Trần Thị Đĩnh (vợ ông Mai) có đơn gửi Tòa án yêu cầu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Kiến Thụy cấp cho hộ ông Trịnh Khắc O có diện tích 488 $m^2$ , do đây là đất có nguồn gốc do các cụ cố là bố mẹ ông Oánh, ông Nhắc để lại các anh chị em chưa chia. Tại văn bản ngày 08-6-2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của cụ Nhắc , cụ Đĩnh thống nhất trình

bày: Do nguyên đơn trong vụ án đã thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nữa nên cụ Nhắc và cụ Đĩnh có đơn rút toàn bộ các yêu cầu trước đây đã gửi Tòa án và xác định không có quyền lợi nghĩa vụ L quan.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:* Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây của bố mẹ cụ O tạo dựng và để lại cho cụ O. Đến năm 2002 đã được UBND huyện Kiến Thụy cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông (bà) Trịnh Khắc O; còn về các T viên trong hộ ông O tại thời điểm năm 2002, UBND phường không có thông tin.

Lời khai của những người làm chứng là ông Trịnh Xuân Hiểu , ông Bùi Văn Thúy, ông Trần Văn Thảo cung cấp thông tin thống nhất về nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp, thể hiện: Diện tích đất cụ Oánh đứng tên được truyền từ đời cụ cố Ngột, các ông Thức và ông Nhắc đã được cụ Ngột cho đất ra ở riêng ; cụ Oánh là con trưởng ở lại trên đất đó thờ cúng các cụ và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 2002 trên diện tích đất trên có vợ chồng ông O, vợ chồng con cái anh C sinh sống , nhà và công trình trên đất là do vợ chồng anh C xây, nguồn gốc tiền xây dựng nhà không rõ.

Xác minh hồ sơ hộ khẩu gốc của hộ gia đình ông Trịnh Khắc O vào thời điểm năm 2002 tại công an phường Đ, công an huyện Kiến Thụy và công an quận D đều không có hồ sơ lưu trữ tại thời điểm năm 2002 hộ gia đình ông Trịnh Khắc O có bao nhiêu nhân khẩu. Tòa án đã thông báo công khai về việc tham gia tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan khác đến vụ án. Đến thời điểm xét xử, không ai có yêu cầu đưa thêm người có quyền lợi nghĩa vụ L quan tham gia tố tụng L quan đến hộ cụ O, cụ N tại thời điểm năm 2002.

Xác minh về việc lập các văn bản định đoạt di sản của cụ Oánh và cụ N tại UBND phường Đ xác định: Bộ hồ sơ về di chúc của cụ Trịnh Khắc Oánh để lại di sản cho con trai là anh Trịnh Văn C (đã được UBND phường sao gửi cho Tòa án ) có xác nhận của UBND Phường và các bản chính hiện vẫn được lưu giữ bản tại UBND Phường; các văn bản có chứng thực của lãnh đạo UBND Phường và dấu đóng trong văn bản của cụ O là có thật. Lời khai của những người làm chứng trong văn bản định đoạt di sản, cán bộ lập biên bản, đại diện chính quyền địa phương ký xác nhận vào các văn bản nêu trên đều xác nhận có ký và chứng thực đúng quy định pháp luật. Hồ sơ chứng thực vẫn được lưu trữ trong sổ chứng thực di chúc tại UBND phường Đ.

Đối với nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ O và cụ N để lại: Theo sổ sách cũng như bản đồ địa chính tại UBND phường Đ thì diện tích đất nông nghiệp cụ O và cụ N để lại gồm 02 thửa: Thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim có diện tích 620 $m^2$ và thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống có diện tích 290 $m^2$. Cả hai thửa đất trên đều đứng tên cụ Trần Thị N.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản cụ Oánh và cụ Ngóc để lại gồm:

Diện tích đất thổ C: Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định: Tổng trị giá tài sản được đưa ra định giá gồm trị quyền sử dụng diện tích đất 488 $m^2$ và trị giá các tài sản gắn liền trên đất là 1.854.500.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng ). Trong đó, giá trị quyền sử dụng diện tích đất 488 $m^2$ là 1.571.070.024 đồng, làm tròn là 1.571.070.000 đồng; tổng giá trị tài sản gắn liền trên đất (nhà ở, nhà phụ, nhà bếp, nhà tắm,vệ sinh, nhà kho, cổng sắt, tường bao, cây sấu) là 283.430.870 đồng, làm tròn là 283.430.000 đồng.

Diện tích đất nông nghiệp : Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích còn lại thực tế tại Thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim là 620 $m^2$ và thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống là 290 $m^2$. Tại Kết luận định giá tài sản đất nông nghiệp của Hội đồng định giá xác định : Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87, xứ Đồng Xim có diện tích 620 $m^2$ là 80.600.000 đồng; giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống có diện tích 290 $m^2$ là 37.700.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nông nghiệp là 118.300.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ xác định toàn bộ diện tích 488 $m^2$ đất đứng tên cụ O và cụ N làm di sản thờ cúng. Đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, ông H chỉ cung cấp được các chứng cứ là một phần nội dung trong Văn bản xin cH nhượng ngày 04-6-2010 và Biên bản họp gia đình ngày 10-4-2014 trong đó có nội dung xác định là đất thờ cúng của các cụ để lại. Ngoài ra, không cung cấp được di chúc hay văn bản gì khác T hiện việc cụ O và cụ N để lại toàn bộ di sản thừa kế làm nơi thờ cúng.

Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả tiếp cận chứng cứ và thông báo về việc xác định giá tài sản tranh chấp theo Kết luận của Hội đồng định giá, thông báo về kết quả thẩm định tại chỗ diện tích đất nhưng các đương sự không có ý kiến và đồng ý với diện tích đất tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất do các bên không có yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất thổ C nên các bên đều không yêu cầu xác định lại giá tài sản đang tranh chấp tại thời điểm xét xử. Tòa án đã tiến hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận không ai có yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thổ C diện tích 488 $m^2$ đất đứng tên cụ O và cụ N. Đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ O và cụ N, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đều thống nhất giao toàn bộ 910 $m^2$ đất nông nghiệp gồm 620 $m^2$ tại thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim và 290 $m^2$ tại thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống là cho bà Trịnh Thị M quản lý sử dụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đối với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 611, 612, 613,616, 620, 623, 645, 649,650 và 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luậ di sản là quyền sử dụng 488 $m^2$ đất thổ C của cụ O và cụ N.

Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc xác định toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng 488 $m^2$ đất do vợ chồng cụ Trịnh Khắc Oánh , Trần Thị Ngóc để lại dùng làm nơi thờ cúng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nông nghiệp do vợ chồng cụ Trịnh Khắc Oánh, Trần Thị Ngóc để lại : Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho bà Trịnh Thị M quyền sử dụng 910 $m^2$ đất nông nghiệp gồm 620 $m^2$ tại thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim và 290 $m^2$ tại thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đang có tranh chấp về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc tổ dân phố Phúc Hải, phường Đa Phúc, quận D, T phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng.

[2] Về việc tham gia tố tụng của ông Trịnh Văn Nhắc và bà Trần Thị Đĩnh: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nhắc và bà Đĩnh có đơn đề nghị yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ O vì cho rằng đó là quyền sử dụng đất của tổ tiên để lại, cụ O không có quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình. Tòa án đã thông báo về việc tham gia tố tụng của ông Nhắc và bà Đĩnh với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Nhắc và bà Đĩnh đã rút toàn bộ yêu cầu và xác định không có quyền lợi nghĩa vụ L quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nhắc và bà Đĩnh không là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trong vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trịnh Khắc O chết năm 2011 và cụ Trần Thị N chết năm 2012, theo quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Ngày 05 tháng 5 năm 2016, nguyên đơn là ông Trịnh Xuân N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ O và cụ N để lại. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông N đối với di sản của cụ O và cụ N để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Khi khởi kiện vụ án, nguyên đơn là ông Trịnh Xuân N yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ O và cụ N để lại. Tuy nhiên, sau đó ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng 488 $m^2$ đất thổ C của cụ O và cụ N; yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ diện tích 488 $m^2$ đất của cụ O và cụ N là đất dùng vào việc thờ cúng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận theo quy định tại điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về việc xác định giá trị tài sản tranh chấp theo Kết luận định giá tài sản: Mặc dù Kết luận định giá tài sản là quyền sử dụng diện tích 488 $m^2$ thổ C của cụ O và cụ N đến thời điểm xét xử đã quá thời gian 06 tháng. Tuy nhiên, các đương sự đều không yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản này, không đề nghị định giá lại và đều thống nhất giá trị tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá đã định giá nên Tòa án không tiến hành định giá lại tài sản.

*Về nội dung vụ án:*

[6] Về nguồn gốc đất là di sản thừa kế: Hội đồng xét xử xét thấy về nguồn gốc quyền sử dụng đất, vợ chồng của cụ Trịnh Khắc Oánh và cụ Trần Thị Ngóc có diện tích đất 488 $m^2$ gồm 300 $m^2$ đất ở; 188 $m^2$ đất vườn, tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 thuộc TDP Phúc Hải, phường Đa Phúc, quận D, được cấp Giấy CNQSDĐ hợp pháp năm 2002, số V603492, vào sổ số 00226 QSDĐ/KT-01-Q1 do UBND huyện Kiến Thụy cấp ngày 30/10/2002 đứng tên hộ ông (bà) Trịnh Khắc O. Nguồn gốc đất là do vợ chồng cụ cố Ngột để lại cho c ụ Oánh là con trưởng ở . Vợ chồng cụ Oánh, cụ Ngóc sinh sống ổn định trên thửa đất này cùng vợ chồng ông C , bà Cần và các cháu . Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trịnh Khắc O, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ tại công an phường Đ, công an huyện Kiến Thụy, công an quận D và thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có tài liệu nào T hiện hộ ông Trịnh Khắc O ở thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 gồm bao nhiêu T viên. Tuy nhiên, bà C và các con bà C là người sinh sống cùng cụ O và cụ N thời điểm năm 2002 cũng xác định không có quyền sở hữu chung với tư cách là T viên trong hộ cụ O đối với diện tích đất nêu trên. Lời khai của những người làm chứng và các đương sự đều xác nhận nguồn gốc quyền sử dụng 488 $m^2$

đứng tên cụ O và cụ N là đất của cụ Ngột để lại cho cụ O. Tòa án đã thông báo và niêm yết công khai để xác định T viên trong hộ cụ O và cụ N thời điểm năm 2002 nhưng không có ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất quyền sử dụng 488 $m^2$ thuộc quyền sở hữu của cụ O và cụ N. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định diện tích 488 $m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là của cụ O và cụ N có trong thời kỳ hôn nhân.

[7] Về yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn N đề nghị xác định toàn bộ quyền sử dụng diện tích 488 $m^2$ đất của cụ O và N là di sản dùng vào việc thờ cúng, giao cho anh T (con ông C) là người trông coi quản lý theo Điều 645 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, trước khi cụ Oánh và cụ Ngóc chết, cụ Oánh có để lại 03 văn bản T hiện ý chí của mình, trong đó có 02 văn bản được xác định là di chúc của cụ O là: Bản di chúc n gày 16-6-2004 và Biên bản về việc di chúc đất và nhà ở ngày 20-7-2004 đều đã được UBND phường chứng thực , trong đó đều có nội dung về việc giao toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 cho ông Trịnh Văn C sử dụng. Đây là các văn bản coi là di chúc để đánh giá ý chí của cụ O và cụ N về việc định đoạt di sản thừa kế. Ngoài ra, còn có văn bản chuyển nhượng đất thổ C của cụ O và cụ N cho ông C năm 2010 và Biên bản họp gia đình ngày 08-5-2014, ông Trịnh Xuân Nghiệm cùng 06 người con của vợ chồng cụ Oánh , cụ Ngóc và cụ Trịnh Văn Nhắc (em trai cụ Oánh ) cùng nhất trí lập biên bản họp gia đình được UBND phường chứng thực cùng ngày có nội dung : "*Hiện nay đất và nhà ở của ông bà còn sống để lại chiểu theo di chúc của bố để lại"*.

[8] Theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự xác định di sản dùng vào việc thờ cúng như sau: *"1. Trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lí để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thoả thuận của những người thừa kế thì những thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lí để thờ cúng "*. Như vậy, căn cứ để xác định di sản dùng vào việc thờ cúng phải là di chúc của cụ O và cụ N. Tại hai văn bản là di chúc trong hồ sơ vụ án ngày 16-6-2004 và Biên bản về việc di chúc đất và nhà ở ngày 20-7-2004 chỉ có chữ ký của cụ O, trong đó không có nội dung cụ T về việc định đoạt toàn bộ di sản dùng vào việc thờ cúng và chỉ định người quản lý di sản thờ cúng. Hai văn bản khác là Giấy chuyển nhượng năm 2010 có chữ ký của cụ O và cụ N và Biên bản họp gia đình ngày 08-5-2014 có một phần nội dung ghi diện tích 488 $m^2$ là đất từ đường, đất tổ tiên để lại không được bán nhưng đây không phải là căn cứ để xác định toàn bộ diện tích 488 $m^2$ là di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự. Thực tế, bà C và các con bà C là người quản lý di sản và sinh sống trên diên tích đất này hơn 30 năm nay cũng không đồ ng ý xác định toàn bộ 488 $m^2$ đất nói trên là di sản dùng vào việc thờ cúng. Mặt khác, nguyên đơn cũng không xuất trình được bản di chúc hay tài liệu, chứng cứ nào khác T hiện việc cụ O và cụ N để lại toàn bộ di sản là quyền sử dụng

đất thổ C 488 $m^2$ làm nơi thờ cúng chung. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 488 của cụ O và cụ N là di sản thờ cúng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là 02 thửa đất nông nghiệp gồm : Thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim có diện tích 620 $m^2$và thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống có diện tích 290 $m^2$. Do cụ Oánh và cụ Ngóc chết không để lại di chúc nên ngu yên đơn đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp phần di sản nêu trên là có căn cứ . Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đều thống nhất thỏa thuận: Giao cho bà Trịnh Thị M được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế là đất nông nghiệp của cụ O và cụ N. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện , không vi phạm điều cấm của pháp luật , không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[10] Do nguyên đơn rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thổ C 488 $m^2$ là di sản của cụ O và cụ N được chấp nhận nên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan khác cũng không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 488 $m^2$ là di sản thừa kế của cụ O và cụ N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng diện tích 488 $m^2$ được chấp nhận nên trả lại ông N tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp được hưởng nhưng là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy đinh. Ông N đã nộp chi phí định giá và chi phí thẩm định tại chỗ nhưng sau đó đã rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với đất thổ C và thống nhất thỏa thuận về việc chia diện tích đất nông nghiệp. Ông N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã nộp.

[12] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 611, 612, 613,616, 620, 623, 645, 649,650 và 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trịnh Khắc Oánh, Trần Thị Ngóc là quyền sử dụng 488 $m^2$ đất và nhà ở trên đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 thuộc TDP Phúc Hải, phường Đa

Phúc, quận D, T phố Hải Phòng (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V603492, vào sổ số 00226 QSDĐ/KT-01-Q1 do UBND huyện Kiến Thụy cấp ngày 30-10-2002 đứng tên hộ ông (bà) Trịnh Khắc O).

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định toàn bộ di sản thừa kế của cụ Trịnh Khắc Oánh và cụ Trần Thị Ngóc dùng làm nơi thờ cúng đối với diện tích 488 $m^2$ đất và nhà ở trên đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 thuộc TDP Phúc Hải, phường Đa Phúc, quận D (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V603492, vào sổ số 00226 QSDĐ/KT-01-Q1 do UBND huyện Kiến Thụy cấp ngày 30-10-2002 đứng tên hộ ông (bà) Trịnh Khắc O).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn N về việc chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Khắc O và cụ Trần Thị N: Giao cho bà Trịnh Thị M quản lý, sử dụng 02 thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 87 xứ Đồng Xim có diện tích 620 $m^2$ và thửa số 34 tờ bản đồ địa chính số 86, xứ Đồng Láng Cống có diện tích 290 $m^2$ tại phường Đ, quận D, T phố Hải Phòng.

- Về chi phí tố tụng: Ông N đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông N 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 3667 ngày 31-5-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, T phố Hải Phòng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà M.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND T phố Hải Phòng;
- TAND T phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**